

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH**
Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tiến Chính.

- Ông Trương Thanh Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (vụ án do Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh), về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Số căn cước công dân: 024191011029.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh D (tên gọi khác: Nguyễn Văn D1), sinh ngày 29/8/1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Số căn cước công dân: 034085022430

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh D kết hôn ngày 12/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên).

Sau khi kết hôn xong, chị và anh D về ở với nhau ngay và thuê nhà tại Hà Nội ở. Thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có 2 con chung là: Nguyễn Diệu L, sinh ngày 06/01/2010 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/9/2014.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi có thai cháu thứ 2, anh D không còn quan tâm đến vợ con, chị đã chuyển về L sinh sống; từ năm 2018 đến nay, anh D đi làm ăn xa, không về gia đình, chị và anh D không thống nhất được việc kinh doanh, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến năm 2019 thì anh D thuê nhà ra chỗ khác ở, chị và anh D không ở cùng nhà và chính thức ly thân, không liên quan gì đến kinh tế gia đình, thỉnh thoảng anh D về xong lại đi ngay; gia đình hai bên đã dàn xếp, hòa giải nhưng không đem lại kết quả. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh D, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh D có 2 con như trình bày ở trên. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 2 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 3.000.000 đồng/con/tháng, 2 con là 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại biên bản làm việc ngày 25/4/2025 chị T trình bày: Tháng 12/2024 chị vi phạm pháp luật hình sự, đang bị Công an điều tra về tội mai dâm. Nếu phải chấp hành hình phạt tù, chị đồng ý giao 2 con cho anh D nuôi.

- Về tài sản: Đề chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Mạnh D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh dũng không đến Tòa án nộp bản tự khai và trình bày ý kiến đến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; chị T xin vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ 2.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS;

Các Điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh D.

- Về con chung: Giao cho anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L và cháu Nguyễn Minh C đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Toà án.

Chị T có quyền, nghĩa vụ tham nom mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh D và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nay là thôn B, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Từ ngày 01/7/2025 thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam sáp nhập với Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thành Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã kế thừa toàn bộ thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (căn cứ Nghị quyết số: 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội).

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, cung cấp chứng cứ. Do đó cần xác định anh D cố tình vắng mặt. Phiên tòa ngày 20/6/2025 Tòa án đã hoãn phiên tòa do vắng mặt anh D. Tại phiên tòa hôm nay, anh D tiếp tục vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh D kết hôn ngày 12/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên). Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh D về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian và đã có 2 con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Trong cuộc sống, chị T và anh D có nhiều điểm không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn. Đến năm 2019 thì chị T và anh D sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T1 và anh D về đoàn tụ. Tuy nhiên chị T cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; còn anh D vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh D.

[5] Về con chung: Chị T và anh D có 2 con chung là: Nguyễn Diệu L, sinh ngày 06/01/2010 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/9/2014. Hiện hai con đang ở xã L, thỉnh thoảng chị T và anh D về thăm con.

Chị T có nguyện vọng nuôi con. Nhưng tại lời khai ngày 25/4/2025, chị T trình bày: Tháng 12/2024 chị vi phạm pháp luật hình sự, đang bị Công an điều tra. Nếu phải chấp hành hình phạt tù, chị đồng ý giao 2 con cho anh D nuôi. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai 2 cháu L và C, 2 cháu L và C đều có nguyện vọng muốn ở với bố.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần giao 2 con chung cho anh D nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Dũng không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Quyền thăm con: Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh D (tức Nguyễn Văn D1).

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con Nguyễn Diệu L, sinh ngày 06/01/2010 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 03/9/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004706 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí. 4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh